

Số: 20/2017/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 05 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý
cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 75/TTr-STP ngày 05 tháng 9 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBTT MTTQ VN tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Hiệp hội Doanh nghiệp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- NC (Đ), Chuyên viên các khối (VIC);
- Lưu VT, Tu11.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hồng Quân

QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20 /2017/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm của sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau (gọi chung là: Ủy ban nhân dân cấp huyện) trong việc phối hợp thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện.
3. Liên minh hợp tác xã, các hội, hiệp hội doanh nghiệp, các câu lạc bộ doanh nghiệp của tỉnh (gọi chung là: Tổ chức đại diện của doanh nghiệp).
4. Doanh nghiệp.
5. Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mục đích phối hợp

1. Đảm bảo việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau được thực hiện có hiệu quả.
2. Tăng cường trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện nhằm tránh chồng chéo về nội dung, cách thức và thời gian hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; góp phần phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Quy chế này được thực hiện đối với mọi doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu, hình thức tổ chức, quy mô kinh doanh và lĩnh vực hoạt động.

3. Phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Thực hiện thường xuyên, kịp thời.

Chương II **NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC PHỐI HỢP**

Điều 5. Phối hợp trong việc xây dựng thể chế, chính sách của tỉnh liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp phải lấy ý kiến góp ý của các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh khi được lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm đóng góp ý kiến theo yêu cầu của cơ quan soạn thảo.

3. Khi thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp nếu có ý kiến khác nhau giữa cơ quan soạn thảo với tổ chức đại diện cho doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp thì Sở Tư pháp có trách nhiệm đề xuất cụ thể để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cho phù hợp.

Điều 6. Phối hợp xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ hoạt động của doanh nghiệp

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện cập nhật văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định hiện hành và được liên kết trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Trang thông tin điện tử mở mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, cập nhật thông tin về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn thi hành trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp (trừ văn bản thuộc danh mục bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật).

3. Doanh nghiệp được tiếp cận, sử dụng miễn phí thông tin đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 7. Phối hợp phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp

1. Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý chủ động tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tọa đàm, hội thảo, hội nghị phổ biến các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Việc tổ chức tọa đàm, hội thảo, hội nghị phải có kế hoạch cụ thể, không trùng lặp về nội dung, thời gian tổ chức; chú trọng đến các đối tượng cần hỗ trợ pháp lý kịp thời, ảnh hưởng trực tiếp.

2. Căn cứ tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, nhu cầu của doanh nghiệp, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Xây dựng tài liệu phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật phù hợp;

b) Mời chuyên gia, báo cáo viên chuyên ngành, có kinh nghiệm để phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật.

Điều 8. Phối hợp giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp có quyền yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện giải đáp quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực, đơn vị quản lý.

2. Trường hợp việc giải đáp pháp luật của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp thì doanh nghiệp có quyền yêu cầu các Bộ có liên quan giải đáp (theo quy định tại khoản 2, Điều 10 Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp).

3. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời yêu cầu giải đáp pháp luật của doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực, đơn vị quản lý trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày doanh nghiệp cung cấp đủ thông tin có liên quan đến yêu cầu giải đáp pháp luật. Đối với các trường hợp có nội dung phức tạp hoặc liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước trong nhiều ngành, lĩnh vực thì thời hạn trả lời là 15 (mười lăm) ngày làm việc. Trong trường hợp không giải đáp pháp luật thì cơ quan được yêu cầu giải đáp phải nêu rõ lý do.

4. Việc giải đáp pháp luật được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

a) Giải đáp bằng văn bản;

b) Giải đáp thông qua mạng điện tử;

c) Giải đáp trực tiếp hoặc thông qua điện thoại;

d) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

5. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện được yêu cầu phối hợp giải đáp pháp luật doanh nghiệp có trách nhiệm:

a) Giải đáp đầy đủ nội dung yêu cầu (đối với nội dung liên quan đến quản lý ngành, lĩnh vực của đơn vị, địa phương quản lý);

b) Trực tiếp tham dự hội nghị, hội thảo, tọa đàm để giải đáp pháp luật khi có kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức đại diện của doanh nghiệp và đề nghị của cơ quan chủ trì;

c) Phản ánh kịp thời mọi vấn đề phát sinh để cơ quan chủ trì chủ động bố trí thực hiện giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp.

Điều 9. Phối hợp tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp và hoàn thiện pháp luật

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của doanh;

b) Phân loại kiến nghị, phản ánh để phối hợp với Sở Tư pháp tổng hợp, giải quyết theo quy định của pháp luật;

c) Thông báo kết quả tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc;

d) Tổng hợp kết quả tiếp nhận, xử lý những kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện các quy định pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực do cơ quan, địa phương mình quản lý gửi về Sở Tư pháp theo quy định.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh từ các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phối hợp với cơ quan có liên quan để xử lý, tham mưu, trình cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật;

c) Thông báo kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh cho doanh nghiệp chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết của cơ quan, đơn vị có liên quan;

d) Tổng hợp, báo cáo kết quả kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện các quy định pháp luật trên địa bàn tỉnh cho Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Ban hành chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo chức năng quản lý; gửi về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp chung;

b) Phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức, triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của tỉnh;

c) Cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do cơ quan chuyên ngành Trung ương ban hành để Sở Tư pháp kịp thời tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, điều chỉnh kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hằng năm hoặc đề xuất trong chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận thông tin về chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp từ các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Tham mưu xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hằng năm;

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp liên ngành.

Điều 11. Phối hợp tổ chức khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

1. Tham gia Đoàn khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.
2. Thực hiện góp ý và hoàn chỉnh Phiếu khảo sát.
3. Tổng hợp, đánh giá, phân tích kết quả khảo sát.
4. Báo cáo kết quả khảo sát.

Chương III TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn nắm bắt nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp.
2. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Quy chế này.
3. Tiến hành rà soát, kiện toàn đội ngũ cán bộ thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, gửi danh sách về Sở Tư pháp để tổng hợp, theo dõi đề tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ.
4. Sau khi chương trình, kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện

có trách nhiệm ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan khác có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức đại diện của doanh nghiệp, Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Chủ động tìm hiểu pháp luật, bố trí người làm công tác pháp chế doanh nghiệp hoặc thuê luật sư tư vấn để giúp doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định pháp luật.

2. Doanh nghiệp, các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, Liên minh Hợp tác xã tỉnh phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý theo quy định tại Quy chế này.

3. Các tổ chức đại diện của doanh nghiệp chủ động tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình.

Điều 14. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Quy chế này, có trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định hoặc khi có yêu cầu.

2. Báo cáo định kỳ về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp gửi về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 6 đối với báo cáo định kỳ 6 tháng và trước ngày 20 tháng 12 hằng năm đối với báo cáo năm để tổng hợp báo cáo Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thời điểm tính số liệu báo cáo định kỳ về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được tính ngày 01 tháng 01 đến thời điểm gửi báo cáo, gửi về Sở Tư pháp theo quy định.

Điều 15. Kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1. Hằng năm, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí hợp lý để tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cơ sở đề xuất của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan.

2. Các chế độ, định mức chi kinh phí để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, người đứng đầu các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế này.
2. Giám đốc Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi việc thực hiện Quy chế này.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung khác không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động hỗ trợ cho doanh nghiệp.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quân